

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 173/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 18 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư năm 2023 trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI MỘT**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật Quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 473/BC-KTNS ngày 16 tháng 4 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục bổ sung 33 công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư năm 2023 trên địa bàn tỉnh, trong đó:

1. Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ... (Điểm a Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai): 01 dự án, diện tích đất thu hồi 1.024 m².

2. Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực...(Điểm b Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai): 22 dự án, diện tích đất thu hồi 299.465 m².

3. Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư; chợ;... (Điểm c Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013): 10 dự án, diện tích đất thu hồi 56.856 m².

(có 01 Biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khoá XV, kỳ họp chuyên đề lần thứ mười một thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VP Chủ tịch nước, VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI

(Kèm theo Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của HĐND tỉnh)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)									Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện	
			Tổng diện tích thu hồi đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ		Đất rừng đặc dụng		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng DD)		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn
				Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
1	2	3	4 = 5+...12	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Tổng		357.345	2.185	1.841	-	-	6.563	-	-	346.756	-	-	-
I	Huyện Mường La		58.000	-	-	-	-	-	-	-	58.000			
1	Bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai cấp bách bản Tài Sài, xã Chiềng Lao, huyện Mường La	Xã Chiềng Lao	48.000								48.000	Điểm c	105/QĐ-TTg ngày 31/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ	Ngân sách trung ương
2	Lát vỉa hè trung tâm thị trấn Ít Ong, huyện Mường La	Thị trấn Ít Ong	10.000								10.000	Điểm b	76/NQ-HĐND ngày 08/10/2021 của HĐND huyện Mường La	Ngân sách huyện và ngân sách tỉnh
II	Huyện Thuận Châu		294.321	2.185	1.841	-	-	6.563	-	-	283.732	-	-	-
3	Nhà văn hóa bản Chợ Muông xã Chiềng Pha	Xã Chiềng Pha	1.685	1.685								Điểm c	88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022; 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	CT MTQG XD NTM

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)									Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện	
			Tổng diện tích thu hồi đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ		Đất rừng đặc dụng		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng DD)		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn
				Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
1	2	3	4 = 5+...12	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
4	Nhà văn hóa bản Sai xã Chiềng Pha	Xã Chiềng Pha	485								485	Điểm c	88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022; 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	CT MTQG XD NTM
5	NVH bản Co Khiết xã Liệp Tè	Xã Liệp Tè	3.000								3.000	Điểm c	88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022; 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND huyện	CT MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS & MN(DA4)
6	Đường nội đồng bản Còng, xã Phổng Lãng	Xã Phổng Lãng	750								750	Điểm b	88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022;; 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND huyện	CT MTQG XD NTM
7	Nhà văn hóa bản Co Cài	Xã Co Tòng	340								340	Điểm c	88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022; 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	CT MTQG XD NTM

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)									Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện	
			Tổng diện tích thu hồi đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ		Đất rừng đặc dụng		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng DD)		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn
				Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
1	2	3	4 = 5+...12	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
8	Đường giao thông bản Ngà Phát, xã Chiềng Pha	Xã Chiềng Pha	1.500								1.500	Điểm b	88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022; 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	CT MTQG giảm nghèo bền vững
9	Đường giao thông bản Ta Khoang	Xã Chiềng Pha	6.000								6.000	Điểm b	88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022; 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	CT MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS & MN (DA4)
10	Đường trung tâm xã - Nà Hém - Sam Phông - Huổi Lương - Thẳm Ổn	Xã É Tòng	9.500		500						9.000	Điểm b	88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022; 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	CT MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS & MN (DA4)
11	Đường giao thông bản Sai	Xã Chiềng Pha	1.700								1.700	Điểm b	88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022; 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	CT MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS & MN (DA4)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)									Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện	
			Tổng diện tích thu hồi đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ		Đất rừng đặc dụng		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng DD)		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn
				Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
1	2	3	4 = 5+...12	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
12	Đường vào trường tiểu học, MN xã Bản Lằm	Bản Lằm	1.935		680						1.255	Điểm b	88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022; 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	CT MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS & MN (DA4)
13	Đường giao thông bản Chùn	Xã Thôm Mòn	30.000								30.000	Điểm b	88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022; 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	CT MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS & MN (DA4)
14	NVH bản Nong Lào xã Chiềng Pha	Xã Chiềng Pha	785								785	Điểm c	88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022; 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	CT MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS & MN (DA4)
15	Đường giao thông bản Hán xã Chiềng Pha	Xã Chiềng Pha	5.700								5.700	Điểm b	88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022; 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	CT MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS & MN (DA9)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m²)									Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện	
			Tổng diện tích thu hồi đất (m²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ		Đất rừng đặc dụng		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng DD)		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn
				Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
1	2	3	4 = 5+...12	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
16	Đường liên bản Hán - bản Nà Heo, xã Chiềng Pha	Xã Chiềng Pha	30.000								30.000	Điểm b	88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022; 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	CT MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS & MN (DA9)
17	Đường giao thông bản Huổi Lọng	Xã Nong Lay	5.457								5.457	Điểm b	88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022; 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	CT MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS & MN (DA9)
18	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông Kiến Xương, Phổng Lái	Xã Phổng Lái	17.000								17.000	Điểm b	36/NQ-HĐND 30/8/2022 của HĐND huyện	NST hỗ trợ XD NTM, nhân dân đóng góp
19	Đường giao thông bản Nong Lào, xã Chiềng Pha, huyện Thuận Châu - bản Hua Lỷ, xã Chiềng Khoang, huyện Quỳnh Nhai	Xã Chiềng Pha	5.000								5.000	Điểm b	37/NQ-HĐND 30/8/2022 của HĐND huyện	NST hỗ trợ XD NTM, nhân dân đóng góp

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m²)									Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện	
			Tổng diện tích thu hồi đất (m²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ		Đất rừng đặc dụng		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng DD)		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn
				Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
1	2	3	4 = 5+...12	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
20	Đường vào bản Tịa xã Pá Lông	Xã Pá Lông	5.000								5.000	Điểm b	88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022; 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND huyện	CT MTQG xây dựng NTM
21	Cầu Pá Chóng xã Mường Bám	Xã Mường Bám	1.000		500						500	Điểm b	25/NQ-HĐND ngày 11/7/2022 của HĐND huyện	CT MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS & MN (DA4)
22	Đường giao thông bản Phé xã Thôm Mòn	Xã Thôm Mòn	7.000								7.000	Điểm b	25/NQ-HĐND ngày 11/7/2022 của HĐND huyện	CT MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS & MN (DA4)
23	Đường vào bản Nà Mất (cũ) xã Púng Tra	Xã Púng Tra	20.000								20.000	Điểm b	25/NQ-HĐND ngày 11/7/2022 của HĐND huyện	CT MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS & MN (DA4)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)									Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện	
			Tổng diện tích thu hồi đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ		Đất rừng đặc dụng		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng DD)		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn
				Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
1	2	3	4 = 5+...12	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
24	NVH bản Thái Cống xã Phổng Lãng	Xã Phổng Lãng	650								650	Điểm c	25/NQ-HĐND ngày 11/7/2022 của HĐND huyện	CT MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS & MN (DA4)
25	Đường giao thông bản Song - QL6 xã Chiềng La	Xã Chiềng La	50.000								50.000	Điểm b	25/NQ-HĐND ngày 11/7/2022 của HĐND huyện	CT MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS & MN (DA9)
26	NVH bản Bó Lanh xã Chiềng Ly	Xã Chiềng Ly	750								750	Điểm c	25/NQ-HĐND ngày 11/7/2022 của HĐND huyện	CT MTQG XD NTM
27	Đường trung tâm xã - Há Khúa - Thẳm Xết, xã Co Tòng	Xã Co Tòng	24.000								24.000	Điểm b	25/NQ-HĐND ngày 11/7/2022 của HĐND huyện	CT MTQG giảm nghèo bền vững
28	NVH bản Cửa Hàng xã Nong Lay	Xã Nong Lay	161		161							Điểm c	25/NQ-HĐND ngày 11/7/2022 của HĐND huyện	CT MTQG xây dựng NTM

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)									Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện	
			Tổng diện tích thu hồi đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ		Đất rừng đặc dụng		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng DD)		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn
				Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
1	2	3	4 = 5+...12	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
29	Cấp nước sinh hoạt cho các xã Lân cận thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu	03 xã: Phông Lăng, Chiềng Ly, Chiềng Pha	1.000	500							500	Điểm c	121/NQ-HĐND ngày 31/8/2022; 2344/QĐ-UBND 09/11/2022	Bổ sung cân đối NST
30	Đường vào bản Pú Chứm, xã Long Hẹ	Xã Long Hẹ	411.17					6563			345.54	Điểm b	88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022; 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022	CT MTQG giảm nghèo bền vững
31	Đường vào bản Pá Ný	Xã Pá Lông	228.06								228.06	Điểm b	88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022; 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022	CT MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS & MN DA4
III	Huyện Yên Châu		1.024	-	-	-	-	-	-	-	1.024			
32	Bổ sung cơ sở vật chất trường THCS thị trấn, huyện Yên Châu	Thị trấn Yên Châu	1.024								1.024	Điểm a	1160/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND huyện Yên Châu	Nguồn vốn bổ sung cân đối phân cấp cho huyện
IV	Huyện Bắc Yên		4.000	-	-	-	-	-	-	-	4.000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)									Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện	
			Tổng diện tích thu hồi đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ		Đất rừng đặc dụng		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng DD)		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn
				Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
1	2	3	4 = 5+...12	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
33	Xử lý điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông Km 12 + 078 - Km 12 + 290 và bổ sung hệ thống ATGT đoạn Km 0 - Km 20, ĐT.112	Xã Phiêng Ban, huyện Bắc Yên	4.000								4.000	Điểm b	12/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của UBND tỉnh về phê duyệt kế hoạch bảo trì hệ thống đường tỉnh năm 2023; Công văn số 171/UBND-KT ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh Sơn La	Sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ (NSNN)